



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Khách hàng: Công ty CP Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Ống thép Việt - Đức VG PIPE (KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ)

Ngày lấy mẫu: Ngày 06 tháng 06 năm 2026

Thời gian phân tích: Từ ngày 06/6/2026 đến ngày 16/6/2026

Tên mẫu: Khí thải

Kí hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:

- KTTN1: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi;

tọa độ (X: 2351084; Y: 569333)

- KTTN2: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý hơi kẽm;

tọa độ (X: 2351043; Y: 569365)

- KTTN3: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý hơi axit từ bể tẩy gỉ;

tọa độ (X: 2351061; Y: 569375)

- KTTN4: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý hơi nóng bể kẽm;

tọa độ (X: 2351097; Y: 569356)

- KTTN5: Khí thải sau xử lý của hệ thống thoát hơi nóng hầm sấy ống;

tọa độ (X: 2351100; Y: 569377)

Thiết bị sử dụng: Máy lấy mẫu khí Testo 350, thiết bị lấy mẫu bụi Tecora Isostack G4, C-5000 và các thiết bị phụ trợ khác

Bảng tổng hợp kết quả

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				KTTN1	Bảng 3 (Cột A2)
1	CO	QTMT-HDLM 20	mg/Nm ³	102,6	450
2	SO ₂		mg/Nm ³	96	450
3	NO _x (tính theo NO ₂)		mg/Nm ³	80,1	675
4	Bụi tổng	US EPA 05	mg/Nm ³	86,3	90
5	Lưu lượng	US EPA 02	m ³ /h	27.933	-
6	Nhiệt độ	QTMT-HDLM 23	°C	101	-
7	Áp suất		mBar	1.019	-

Bảng tổng hợp kết quả

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				KTTN2	KTTN3	Bảng 3 (Cột A2)
1	Bụi tổng	US EPA 05	mg/Nm ³	56,5	57,8	90



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN
VÀ QUAN TRẮC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở 2: Đường Đặng Trần Côn, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ

VIMCERTS: 028

Số: 2026 - 285/QTMT

Ngày: 16/6/2026

2	Lưu lượng	US EPA 02	m ³ /h	35.816	29.447	-
3	Nhiệt độ	QTMT-HDLM	°C	102	43	-
4	Áp suất	23	mBar	1.021	1.018	-

Bảng tổng hợp kết quả

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		Giá trị giới hạn tối đa cho phép
				KTTN4	KTTN5	Bảng 3 (Cột A2)
1	CO	QTMT-HDLM 20	mg/Nm ³	15,6	103,3	450
2	SO ₂		mg/Nm ³	14	25,3	450
3	NO _x (tính theo NO ₂)		mg/Nm ³	27,1	16,6	675
4	Bụi tổng	US EPA 05	mg/Nm ³	54,8	87,2	90
5	Lưu lượng	US EPA 02	m ³ /h	24.994	13.117	-
6	Nhiệt độ	QTMT-HDLM	°C	43	84	-
7	Áp suất	23	mBar	1.017	1.015	-

Ghi chú:

- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số được xác định theo QCVN 51:2017/BTNMT (Cột A2; Bảng 3, K_v = 1,0; K_p = 0,9) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (theo yêu cầu của khách hàng).

+ Vậy $C_{max} = C \times 0,9$

- (-) Quy chuẩn không quy định cụ thể.

TRƯỞNG TRẠM NƯỚC SẠCH
VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VĨNH PHÚC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Lan Phương



Đỗ Khánh Lâm